



Phụ lục 17
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT
 ngày 28/6/2010 của Bộ Công Thương)
CÔNG TY TNHH TM DV KHÁNH AN SÀI GÒN

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Phiếu an toàn hóa chất	Logo của doanh nghiệp (không bắt buộc)		
HUMIC ACID			
Số CAS: Số UN: Số đăng ký EC: Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):			
I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT			
- Tên thường gọi của chất: Humic acid	Mã sản phẩm nếu có Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: Công ty TNHH TM DV XNK Khánh An Sài Gòn 30/17 Đường HT 31, KP 1, P.Hiệp Thành, Quận 12, TP HCM ĐT: 08.6683.3399 Fax: 08.6250.7935		
- Tên thương mại: axit humic			
- Tên khác (không là tên khoa học): extract humic acid			
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ:			
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ:			
- Mục đích sử dụng: sử dụng trong nông nghiệp và sản xuất phân bón.			
PHẦN II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT			
Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Thành phần 2 (nếu có)			
Thành phần 3 (nếu có)			
III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT			
<p>1. Mức xếp loại nguy hiểm (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm; Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...): tài liệu này không phải là một “mối nguy hiểm sức khỏe” hoặc độc hại</p> <p>2. Cảnh báo nguy hiểm : không có thông tin</p> <p>3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường mắt : gây kích ứng cho mắt - Đường thở : hít sản phẩm có thể gây kích ứng mũi, cổ họng và đường hô hấp. - Đường da : kéo dài lặp đi lặp lại liên lạc với sản phẩm có thể gây kích ứng da, nếu không được rửa sạch sẽ bị ảnh hưởng. - Đường tiêu hóa : có thể gây kích ứng cho đường tiêu hóa bao gồm buồn nôn, nôn mửa, tiêu chảy. 			

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- 1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt** (bị văng, dây vào mắt): ngay lập tức rửa mắt với thật nhiều nước trong thời gian ít nhất 15 phút. nếu cảm thấy khó chịu đến ngay trung tâm y tế để kịp điều trị.
- 2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da** (bị dây vào da): rửa bằng nước và xà phòng. cởi quần áo và giày bần dưới vòi sen an toàn. nếu cảm thấy vùng da có triệu chứng khó chịu phải tìm ngay đến y tế.
- 3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp** (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí): Di chuyển nạn nhân đến nơi thoáng khí, nếu không thể thở hô hấp nhân tạo, nếu việc thở gặp khó khăn cũng cấp thêm khí oxi và đưa đến trung tâm y tế ngay lập tức.
- 4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa** (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất): nếu có ý thức và cảnh báo, cho uống 1- 2 ly nước hoặc sữa sau đó ép nôn ra, đưa nạn nhân đến trung tâm y tế. không cho bất cứ thứ gì vào miệng nạn nhân khi nạn nhân bất tỉnh.
- 5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị** (nếu có): điều trị theo triệu chứng.

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- 1. Xếp loại về tính cháy** (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...): không dễ cháy.
- 2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy:** không có thông tin
- 3. Các tác nhân gây cháy, nổ** (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát...): không có thông tin
- 4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác:** bột, carbon dioxide, hóa chất khô, sương mù nước.
- 5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy:** mặc đầy đủ quần áo bảo hộ và thiết bị thở bình hơi.
- 6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ** (nếu có): Không dùng nước được xịt thành vòi

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- 1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ:** hút sản phẩm, tái sử dụng nguyên liệu bị ô nhiễm. nếu bị ô nhiễm quét hoặc dùng xẻng cho sản phẩm vào một thùng chứa thích hợp. không được để sản phẩm làm ô nhiễm nguồn nước.
- 2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng:** sản phẩm này phải được xử lý theo liên bang, nhà nước và địa phương.

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

- 1. Xử lý:** Tránh tiếp xúc với mắt. chỉ sử dụng ở nơi thông thoáng, rửa sạch sau khi xử lý. Tránh hít phải kéo dài lặp đi lặp lại của hơi, tránh kéo dài và lặp đi lặp lại tiếp xúc với da.
- 2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản** (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...): trong container là một nơi khô ráo, thoáng mát. Không được lưu trữ sản phẩm gần thực phẩm và thức ăn.

III. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

- 1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết** (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc...): sử dụng hệ thống thông gió thích hợp cho nơi làm việc.
- 2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc**
 - Bảo vệ mắt : kính bảo hộ hóa học và lá chắn mặt đầy đủ, không đeo kính áp tròng.
 - Bảo vệ thân thể : mặc quần áo bảo hộ lao động thích hợp. giặt sạch đồ bảo hộ trước khi tái sử dụng.
 - Bảo vệ tay : mang găng tay bảo hộ thích hợp.
 - Bảo vệ chân: mang giày bảo hộ lao động.
- 3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố**
- 4. Các biện pháp vệ sinh** (tắm, khử độc...): bồn rửa mặt và vòi tắm

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: chất rắn	Điểm sôi ($^{\circ}\text{C}$): không có sẵn
Màu sắc: trong suốt: màu đen	Điểm nóng chảy ($^{\circ}\text{C}$): $> 300^{\circ}\text{C}$
Mùi đặc trưng: mùi hơi mốc	Điểm bùng cháy ($^{\circ}\text{C}$) (Flash point) theo phương pháp xác định: không có sẵn
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: không có sẵn	Nhiệt độ tự cháy ($^{\circ}\text{C}$): không có sẵn
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: không có sẵn	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí: không có sẵn



Độ hòa tan trong nước: hoàn toàn hòa tan trong nước	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí: không có sẵn
Độ pH: không có sẵn	Tỷ lệ hóa hơi: không có sẵn
Khối lượng riêng: khối lượng riêngg	Các tính chất khác nếu có

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

<p>1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): sản phẩm ổn định</p> <p>2. Khả năng phản ứng:</p> <ul style="list-style-type: none">- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy: không có sẵn- Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh): ở nhiệt độ cực đoan, carbon monoxide và các sản phẩm oxy hóa được phát triển.- Các chất (có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung...): không có sẵn- Phản ứng trùng hợp : không xảy ra
--

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Thành phần 2 (nếu có)				
Thành phần 3 (nếu có)				
<p>1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen...): không được liệt kê là một chất gây ung thư bởi NTP, IARC hoặc OSHA</p> <p>2. Các ảnh hưởng độc khác :</p> <ul style="list-style-type: none">- Nuốt phải: có thể gây đau bụng hoặc buồn nôn- Tiếp xúc với da: có thể gây kích thích nhẹ, đặc biệt là tiếp xúc kéo dài, có thể gây mẩn đỏ.- Hít phải khí độc: hít phải có thể gây ra kích thích nhẹ niêm mạc mũi.- Tiếp xúc với mắt: có thể gây kích ứng mắt tạm thời.				

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc tính với sinh vật			
Tên thành phần	Loài sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Thành phần 2 (nếu có)			
Thành phần 3 (nếu có)			
Thành phần 4 (nếu có)			
<p>2. Tác động trong môi trường</p> <ul style="list-style-type: none">- Mức độ phân hủy sinh học: không có thông tin- Chỉ số BOD và COD- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học : không có- Mức độ độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: không có thông tin			

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

<p>1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp): không làm ô nhiễm các hồ, ao hồ, cửa sông, đại dương hoặc vùng nước khác bằng cách xả chất thải hoặc nước thải vào một thiết bị phù hợp. vớt bỏ dòng nước thải phải theo quy định của nhà nước và địa phương.</p> <p>2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải : không có thông tin</p> <p>3. Biện pháp tiêu hủy: không có thông tin</p> <p>4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý: không có thông tin</p>

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN



Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của Chính phủ quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.						Không có thông tin
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA ...						

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

- 1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo)**
- 2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký**
- 3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ.**

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 21-02-2014

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 15 -04-2016

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty TNHH TM DV XNK Khánh An Sài Gòn

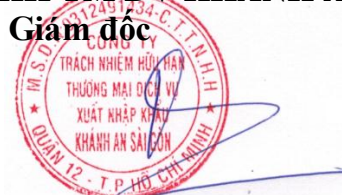
Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.

CÔNG TY TNHH TM DV KHÁNH AN SÀI GÒN

Giám đốc



Lê Hoàng Mi Sa